

BÀI GIẢI MINH HỌA

I. ĐỌC HIỂU: (3.0 điểm)

Câu 1.

- a) Hai phương thức biểu đạt của đoạn văn bản trên: phương thức nghị luận, phương thức tự sự (biểu cảm)
- b) Phong cách ngôn ngữ của đoạn văn bản trên: phong cách ngôn ngữ chính luận.
- c) Hai thao tác lập luận được sử dụng trong đoạn văn bản trên: thao tác bình luận, thao tác chứng minh (phân tích)

Câu 2.

- a) Tác giả bài viết đã chỉ ra những tác hại của tâm lí đám đông như sau:

Tâm lí đám đông là một trong những rào cản hàng đầu ngăn cản xã hội đi lên, bởi vì nó phản đối, đàn áp, thậm chí gây ra hậu quả thương tâm cho những cá nhân có quan điểm cách tân.

Tâm lí đám đông đã và đang trở thành một trào lưu vi phạm đạo đức (cả pháp luật) khi tận dụng các trang mạng xã hội để tạo dư luận không tốt về những cá nhân mâu thuẫn với kẻ đăng tải thông tin.

- a) Theo tác giả bài viết, một đám đông “*cuồng nộ và ngu dốt*” là:

Thứ nhất, đám đông này phản đối, đàn áp, thậm chí gây ra hậu quả thương tâm cho những cá nhân có quan điểm cách tân, những tư tưởng tiến bộ có tác dụng thúc đẩy xã hội đi lên.

Thứ hai, đám đông này tận dụng các trang mạng xã hội để tạo dư luận không tốt về những cá nhân mâu thuẫn với kẻ đăng tải thông tin mà không biết rằng đó là một hành động vi phạm đạo đức (cả pháp luật).

Câu 3.

- a) Tác giả bài viết cho rằng “*Nếu bạn suy nghĩ và hành động khác mọi người, mọi người sẽ nhìn bạn như một kẻ lập dị.*” vì những nguyên nhân sau:

Về số lượng, tầm ảnh hưởng thì không bao giờ cá nhân có thể so được với tập thể, nhất là khi tập thể ấy mang nặng “tâm lí đám đông” vốn coi trọng sự tương đồng, có tính ổn định cao, thậm chí bảo thủ, cứng nhắc nên sẵn sàng phản đối những điều mới lạ, khác biệt.

Dù là một rào cản hàng đầu ngăn xã hội đi lên, nhưng “tâm lí đám đông” vẫn thường thắng thế, sẵn sàng khổng chế, đàn áp hoặc sử dụng những biện pháp tiêu cực để loại bỏ cá nhân có suy nghĩ và hành động khác ra khỏi cộng đồng. Bài viết đã đưa ra trường hợp của Lobachevsky, nhà khoa học bị xem một kẻ điên cho đến mãi một thế kỷ sau khi đã phát minh ra môn hình học phi Eculid, như một dẫn chứng sinh động cụ thể về việc khó lòng được đón nhận, thậm chí bị xem là kì quặc, khác mọi người.

b) Nội dung của văn bản trên:

Qua những dẫn chứng cụ thể, sinh động (nhà khoa học Lobachevsky bị xem một kẻ điên cho đến mãi một thế kỷ sau khi đã phát minh ra môn hình học phi Eculid, những trường hợp bị tiết lộ thông tin tiêu cực một chiều trên mạng xã hội khiến đám đông ghét bỏ), tác giả văn bản đã **trình bày quan điểm về** tác hại khôn lường của tâm lí đám đông đối với cá nhân và xã hội.

Thông qua văn bản, tác giả cũng đã **bày tỏ thái độ lên án, phê phán** nặng nề thứ “tâm lí đám đông” đang tận dụng các trang mạng xã hội để để tạo dư luận không tốt, ngăn cản những quan điểm cách tân, tiến bộ. Người viết cũng đã **cảnh tỉnh** mọi người tránh bị cuốn theo những đám đông cuồng nộ và ngu dốt vì nhiều khả năng việc làm của đám đông ấy là những hành động vi phạm đạo đức (cả pháp luật).

c) Tác giả đã thể hiện tình cảm, thái độ trong văn bản:

Qua những dẫn chứng cụ thể, sinh động (nhà khoa học Lobachevsky bị xem một kẻ điên cho đến mãi một thế kỷ sau khi đã phát minh ra môn hình học phi Eculid, những trường hợp bị tiết lộ thông tin tiêu cực một chiều trên mạng xã hội khiến đám đông ghét bỏ), tác giả văn bản đã **phê phán mạnh mẽ** “tâm lí đám đông” vì những tác hại khôn lường của nó đối với cá nhân và xã hội.

Từ đó, người viết cũng đã **cảnh tỉnh** mọi người tránh bị cuốn theo những đám đông cuồng nộ và ngu dốt vì nhiều khả năng việc làm của đám đông ấy là những hành động vi phạm đạo đức (cả pháp luật) khi đang tận dụng các trang mạng xã hội để để tạo dư luận không tốt, ngăn cản những quan điểm cách tân, tiến bộ.

Câu 4.

a) Ý kiến trên hoàn toàn xác đáng, vì những nguyên nhân sau:

“Tâm lí đám đông” vốn coi trọng sự tương đồng, có tính ổn định cao, thậm chí bảo thủ, cứng nhắc nên sẵn sàng phản đối những điều mới lạ, khác biệt, dù rằng những tư tưởng, quan điểm ấy rất tiến bộ, có thể đưa xã hội đi lên.

Ngày nay, khi lợi thế của các trang mạng xã hội đang được tận dụng tối đa, “tâm lí đám đông” ấy sẽ còn lôi kéo thêm được rất nhiều cá nhân thiếu hiểu biết, a dua nhằm ngăn cản những quan điểm cách tân, giá trị của thiểu số có năng lực, có nhận thức đúng đắn.

Vì lo sợ sự khồng chế, đàn áp hoặc bị loại bỏ bằng những biện pháp tiêu cực, những cá nhân có sự khác biệt, có tư duy tích cực, đổi mới sẽ không dám trình bày quan điểm cá nhân, không dám thể hiện chính kiến để rồi dần dần chấp nhận xuôi chiều theo đám đông ngu dốt và cuồng nộ.

b) Nêu thông điệp của văn bản trên.

Mỗi cá nhân cần lên tiếng, cần phản ứng một cách tích cực trước hiện tượng “tâm lí đám đông” đang ngày một diễn biến phức tạp. Chúng ta cần hiểu rằng ngăn chặn, phê phán, chống lại đám đông “ngu dốt và cuồng nộ” cũng là một cách để bảo vệ bản thân và góp phần phá bỏ những rào cản ngăn cản xã hội đi lên.

Dù đơn độc, dù có thể bị xem là “lập dị” nhưng mỗi cá nhân cần mạnh dạn trình bày quan điểm cá nhân, thể hiện chính kiến. Không nên vì ít nhiều e ngại sự khồng chế, đàn áp hoặc bị loại bỏ bằng những biện pháp tiêu cực mà dần dần trở nên xuôi chiều, thỏa hiệp với đám đông “ngu dốt và cuồng nộ”.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Để không “*bị cuốn theo những đám đông cuồng nộ và ngu dốt*” là vấn đề rất quan trọng, đòi hỏi mỗi cá nhân phải định hướng được những việc cần thiết để đạt được hiệu quả tốt nhất. ***Đầu tiên, chúng ta cần hiểu rõ những tác hại đối với cá nhân và xã hội mà đám đông ấy gây ra.*** Có thể thấy rằng việc tận dụng các trang mạng xã hội để tạo dư luận không tốt, ngăn cản những quan điểm cách tân, tiến bộ mà “*đám đông cuồng nộ và ngu dốt*” gây nên là vô cùng nghiêm trọng. ***Tiếp đến, mỗi cá nhân phải lên tiếng và động viên người khác phê phán, chống lại cũng như ngăn chặn những hành động quá khích của đám đông tiêu cực ấy.*** Không phải vô tình mà trên chuyên mục Góc nhìn bạn đọc (tr.9) của báo Tuổi trẻ nhiều ngày qua đã có nhiều ý kiến lên án hành động gây bạo loạn trong ngày 10.6 ở một số địa phương nhân việc phân đổi dự luật cho thuê đất với các đặc khu kinh tế. ***Nhưng quan trọng nhất, chúng ta cần thể hiện chính kiến trong mọi việc, tránh thái độ xuôi chiều, thỏa hiệp.*** Dẫu biết rằng sự đơn độc ấy có thể sẽ bị đám đông khồng chế, đàn áp hoặc bị loại bỏ bằng những biện pháp tiêu cực nhưng ta

cần dũng cảm, như nữ văn sĩ Helen Keller từng nói: “Bản lĩnh luôn trưởng thành trong giông bão”. Hoàn thành được những điều trên quả thật không dễ dàng, thế nhưng nỗ lực thực hiện dần dần sẽ giúp mỗi người xác định phương châm sống tích cực cho bản thân. (294 chữ)

Câu 2: (5 điểm)

1)

Nhà văn Nga **M.Gorki** từng cho rằng: “Nghệ sĩ phải là người biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình, tìm thấy trong những ấn tượng đó có giá trị khái quát và biết làm cho những điều ấy có những hình thức riêng”. Quả thật như vậy. Từ những rung cảm thẩm mỹ trước hiện thực và sự ấn tượng với vẻ đẹp tâm hồn con người; **Hồ Chí Minh** và **Quang Dũng** đã viết nên hai thi phẩm **Chiều tối** và **Tây Tiến** ghi đậm bao tình cảm trong lòng người đọc nhiều thế hệ. Đặc biệt, với đoạn trích “Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi ... Mai Châu mùa em thơm nếp xôi” của bài thơ **Tây Tiến** và bài thơ **Chiều tối**, các tác giả đã chứng minh với chúng ta khả năng sáng tạo nghệ thuật phong phú, đa dạng của mình.

Được in trong tập *Mây đầu ô* (1986), bài thơ lúc đầu có tên là *Nhớ Tây Tiến*. Tây Tiến là một đơn vị quân đội thành lập đầu năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào với địa bàn đóng quân và hoạt động khá rộng lớn. Rồi xa đơn vị cũ, cuối năm 1948, ở Phù Lưu Chanh (Hà Đông cũ), Quang Dũng nhớ lại những kỉ niệm về đoàn quân Tây Tiến nên viết bài thơ này. Bài thơ là bản hùng ca về phẩm chất anh hùng và tinh thần yêu nước của các chiến sĩ buổi đầu kháng Pháp. Và đoạn thơ trên chính là bức tranh thiên nhiên núi rừng hùng vĩ, dữ dội nhưng cũng đầy kì thú, hấp dẫn gắn với chặn đường hành quân của những người lính Tây Tiến.

Trong tâm trí tác giả, Tây Tiến là một vùng đất đầy ắp kỉ niệm nên mở đầu bài thơ là tiếng gọi thể hiện nỗi nhớ tha thiết, băng khuâng; gợi nhắc một địa danh đông đầy bao kỉ ức của đời lính:

Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!

Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi

Từ sự xa cách “*Xa rồi*”, nỗi nhớ theo điệp từ tràn về kín lấp cả không gian lẫn thời gian, xâm chiếm toàn bộ hồn người. Câu cảm “*Tây Tiến ơi*” vang lên gọi thức tiếng lòng da diết gắn liền với bao kỉ niệm thân thương về đoàn quân Tây Tiến. Nỗi nhớ đó vừa cụ thể gắn liền với địa danh Tây Bắc: “*nhớ về rừng núi*”; vừa xa xôi không định hình: “*nhớ chơi vơi*”. Từ láy “*chơi vơi*”, từ hô gọi “*oi*” và các thanh bằng trong câu thơ tạo cho nỗi nhớ một âm hưởng kéo dài, lan rộng; gợi mở một tâm trạng, cảm xúc vang xa đến mênh mông, vô cùng vô tận. Để rồi sau đó, nỗi nhớ trải dài ra gắn liền với những địa danh (Sài Khao, Mường Lát, Mường Hịch, Pha Luông, Mai Châu) và bao hình ảnh tiêu biểu, sống động.

Bức tranh thiên nhiên núi rừng hùng vĩ, dữ dội mở ra với hình ảnh địa danh Sài Khao với “*suong*

lấp” vừa thể hiện điều kiện thiên nhiên không thuận lợi vừa làm nặng nề thêm những vất vả gian lao cho “đoàn quân mới”. Nhưng đáng nói nhất là khung cảnh gợi ra từ hai dòng thơ:

Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm

Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống

Điệp từ “*dốc*” đặt ở đầu hai vế câu thơ gợi cảm giác những con đường dốc nối tiếp nhau. Những từ láy tạo hình “*khúc khuỷu*”, “*thăm thẳm*” đặt trong câu thơ nhiều thanh trắc góp phần miêu tả cảnh hùng vĩ, đầy hiểm trở của núi rừng. Con đường hành quân qua dốc núi vừa gập ghềnh, trắc trở, vừa cao vừa sâu hun hút, đỉnh dốc chơi vơi giữa trời vắng lặng. Điệp từ “*ngàn thước*”, cặp từ tương phản “*lên – xuống*”, nhịp thơ 4/3 như tô đậm chiều cao, độ sâu và tạo một nét gây đầy ấn tượng của núi đèo. Chiều cao và chiều sâu của dốc núi dựng đứng đã đặc tả được sự nguy hiểm đối với chiến sĩ. Có thể thấy con đường như dài ra theo bao nhiêu nguy hiểm, khó khăn, vất vả với “*cọp trêu người*” luôn rình rập chiều chiều, đêm đêm và thác cao nghìn thước. Vất vả, gian lao nên không ít người đã mệt mỏi “*gục lên súng mũ bỏ quên đời*”. Cách nói giảm làm dịu bớt đau thương – họ hi sinh như đi vào giấc ngủ thanh thản – nhưng cũng không che giấu hết những gian khổ, nhọc nhằn đã vắt kiệt sức của các chiến sĩ.

Tuy vất vả là thế nhưng trên đỉnh núi cao họ vẫn giữ cho mình cái nhìn, cách nói hóm hỉnh, vui tươi của một tâm hồn trẻ trung:

Heo hút cồn mây, súng ngửi trời

Nghệ thuật nhân hoá vừa tả thực tư thế đeo súng của các chiến sĩ khi leo lên dốc núi, chạm tới trời cao vừa thi vị hóa chặng đường hành quân, vừa bộc lộ một ý chí vượt lên, tiến tới. Chính điều đó cũng đã mở ra trước mắt họ sau những vất vả khó khăn là cả một thiên nhiên mỹ lệ, trữ tình đang chờ đón. Với hệ thống ngôn từ giàu chất tạo hình, nghệ thuật nhân hóa, phối thanh, vùng đất xa xôi chót vót sống dậy sinh động trong hoài niệm với vẻ đẹp rất riêng: sương khói nhạt nhòa, hương hoa ngào ngạt nên thơ, huyền ảo. Sự vất vả mệt mỏi của đoàn quân suốt cuộc hành trình vẫn không ngăn tinh thần lạc quan của những người lính, họ vẫn mở rộng lòng đón nhận thiên nhiên tươi đẹp. Có thể thấy sau những nét vẽ gân guốc, mạnh mẽ là những đường nét thanh thoát, lãng mạn, mềm mại khắc họa rõ nét vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình của núi rừng: “*Mường Lát hoa về trong đêm hơi*”, “*Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi*”. Các câu thơ với nhiều thanh bằng xoa dịu những khốc liệt gian lao đã trải qua. Từ đỉnh núi, ánh nhìn vươn dài theo cơn mưa rừng xa tận lại Pha Luông; không gian thơ rộng mở ra với những mái nhà thấp thoáng gợi tình cảm ấm áp, gần gũi, tiếp thêm sức mạnh cho người chiến sĩ sau chặng đường dài. Cách nói “*mùa em*” trong câu thơ cuối đoạn: “*Mai Châu mùa em thơm nếp xôi*” vừa nhẹ nhàng tình tứ

vừa mới lạ, độc đáo. Tâm hồn lãng mạn, tinh tế của người lính Tây Tiến đang hòa một nhịp với những sinh hoạt bình dị và tấm lòng hiếu khách đáng quý của người dân vùng cao dành cho chiến sĩ. Những bữa cơm đầm ấm tình nghĩa quân dân, những bát xôi nếp thơm nồng kỉ niệm khiến câu thơ cuối đoạn như một tiếng vọng da diết, khắc khoải của hoài niệm dẫu yêu.

Với bút pháp kết hợp hài hòa giữa tả thực và lãng mạn, tác giả đã tái hiện lại chặng đường hành quân thú vị nhưng lắm gian truân vất vả. Qua đó đã dựng nên bức tranh khá hoàn chỉnh và sinh động về thiên nhiên Tây Bắc: vừa hùng vĩ hiểm trở vừa ảm áp nên thơ. Những đường nét tạo hình như khắc sâu vào lòng người đọc ấn tượng khó phai mờ và sự phối thanh nhịp nhàng khiến đoạn thơ nghe như âm vang một khúc nhạc lâng lâng nhưng nhớ về một vùng đất Tây Bắc xa xôi bỗng trở nên thân thương gần gũi.

Có thể dễ dàng nhận ra cả bài thơ *Chiều tối* và *Tây Tiến* đều nêu bật được vẻ đẹp của những con người có tâm hồn hòa điệu cùng thiên nhiên. Dẫu trải qua nhiều vất vả khó khăn nhưng chủ thể trữ tình vẫn mở rộng tấm lòng đón nhận bao khung cảnh ấn tượng nơi rừng núi. Sử dụng thể thơ thất ngôn trang trọng, đậm tính cổ điển, kết hợp cùng hệ thống hình ảnh phong phú đa dạng, ngôn từ khá gần gũi quen thuộc nhưng thấm đẫm cảm xúc, các tác giả đã thể hiện được vẻ đẹp của tinh thần lạc quan phơi phới, của trái tim luôn tha thiết với đời, với người của những người chiến sĩ cách mạng rất đáng trân trọng.

Như đã nói, đoạn thơ của *Tây Tiến* có sự đan xen kết hợp giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn, ngôn ngữ giàu chất tạo hình; giọng thơ có khi gân guốc mạnh mẽ có khi nồng nàn, say đắm. Tất cả đã làm nổi bật lên vẻ đẹp tâm hồn hào hoa của những người lính xuất thân là trí thức trẻ của Hà Nội với những luyện lưu về thiên nhiên nên thơ, trữ tình, về chặng đường hành quân vô cùng gian khổ nhưng đông đầy bao kí ức khó phai mờ.

Thi phẩm *Chiều tối* của Hồ Chí Minh là bài thơ thứ 31 của tập thơ, được Bác sáng tác vào cuối mùa thu năm 1942, trên con đường từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo. Qua bức tranh thiên nhiên đậm tính ước lệ (cánh chim một mỗi tìm chốn ngủ và chòm mây cô đơn lững lờ giữa cảnh rừng núi khi chiều buông thật quạnh hiu) cũng như bức tranh sinh hoạt (Hiện lên với vẻ đẹp khỏe khoắn của người con gái xóm núi đang xay ngô bên lò than), vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ cộng sản Hồ Chí Minh dần dần hiển hiện. Trong bức tranh thơ có biết bao sự hòa hợp, cảm thông giữa tâm hồn nhà thơ với cảnh vật thiên nhiên, có biết bao thiết tha, tin yêu vào cuộc sống. Cội nguồn của sự cảm thông ấy, tinh thần lạc quan ấy chính là tình yêu thương mệnh mông của Bác dành cho thiên nhiên, cho mọi sự sống trên đời. Bài thơ khép lại với hình ảnh “lò than đã rực hồng” đem lại hơi ấm, niềm vui cho người tù trên đường chuyển lao và cho cả người đọc. Bài thơ

thất ngôn tứ tuyệt có sự kết hợp hài hòa giữa **sắc thái cổ điển** (đề tài, cảm hứng, thể loại, bút pháp, thi liệu và yếu tố “nhân tự”) và **hiện đại** (xuất hiện những hình ảnh chân thực của đời thường; hình tượng thơ vận động hướng về ánh sáng, niềm vui, sự ấm áp; **chất tình hòa lẫn với chất thép**); từ ngữ cô đọng, hàm súc, thủ pháp đối lập vận dụng tinh tế, phát huy giá trị của biện pháp điệp liên hoàn không chỉ làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn người tù cộng sản mà còn làm lung linh hơn di sản thơ ca của Người.

“Một tác phẩm nghệ thuật đích thực, nhất là tác phẩm ngôn từ, phải là một phát minh về hình thức và khám phá về nội dung”, không phải vô tình mà **L.Leonov** đã nói như thế. Qua việc tìm hiểu bài thơ *Chiều tối* và đoạn trích “*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi ... Mai Châu mùa em thơm nếp xôi*” của bài thơ *Tây Tiến*, chúng ta càng tin tưởng rằng hai tác phẩm trên chính là những tác phẩm nghệ thuật đích thực sẽ đứng lại mãi với thời gian, xứng đáng nằm ngoài qui luật của suy tàn, nhất là khi các tác giả đã thực hiện xuất sắc công việc “*phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức*” như Thạch Lam từng nói.

3)

Nhà văn Nga nổi tiếng **Pautovski** từng nhận định: “*Truyện ngắn là một thể loại có hình thức ngắn gọn, nhưng điều quan trọng là trong tác phẩm những điều bình thường phải được hiện lên như những cái không bình thường và ngược lại*”. Có lẽ **Vợ chồng A Phủ** của **Tô Hoài** là một trường hợp như vậy. Chính **quãng đời làm dâu đầy khốn khổ của nhân vật Mị** là “điều bình thường mà không bình thường” của tác phẩm; để mỗi lần người đọc lật giở từng trang sách lại thấy đầy xúc động, ám ảnh khi khám phá thêm bao điều mới mẻ, ý nghĩa từ đó.

Chuyến đi dài tám tháng cùng bộ đội tham gia chiến dịch giải phóng Tây Bắc không chỉ cho tác giả bao nhiêu vốn sống mà còn để lại cho đời một truyện ngắn **Vợ chồng A Phủ** giá trị. Được in trong tập *Truyện Tây Bắc*, truyện kể về cuộc đời của Mị và A Phủ. Mị là cô gái trẻ đẹp, hiếu thảo, vì món nợ của bố mẹ mà cô trở thành con dâu gạt nợ trong nhà thống lí Pá Tra. Mị sống kiếp nô lệ hết năm này qua năm khác cho đến khi gặp A Phủ, một chàng trai nghèo mồ côi, dũng cảm, lao động giỏi, do đánh con quan nên phải ở đợ không công cho nhà thống lí. Vì để hổ ăn mất con bò nên A Phủ bị trói đứng vào cột suốt mấy đêm liền. Cảm thương cho A Phủ, Mị đã cởi trói cho anh và cùng anh trốn khỏi Hồng Ngài. Quãng đời làm dâu đầy khốn khổ của nhân vật Mị được đề cập đến trong yêu cầu đề chính là những ngày chịu đày đoạ của cô ở Hồng Ngài.

Tuy nhà nghèo nhưng Mị là người chăm làm và rất hiếu thảo với cha mẹ. Mị có khao khát sống tự do, hạnh phúc: cô đã có người yêu, muốn làm chủ cuộc đời mình, không muốn về làm dâu nhà thống

lí. Với lòng tự trọng đáng quý, Mị sẵn sàng lao động gian khổ để được sống tự do chứ nhất quyết không chịu bị bán cho nhà giàu. Mị nói với bố: *“Con nay đã biết cuộc nương làm ngô, con phải làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Bố đừng bán con cho nhà giàu”*. Nhưng Mị bị vẫn bắt về nhà thống lí làm dâu để trừ nợ cho bố mẹ, món nợ truyền kiếp đã buộc chặt người lao động nghèo vào kiếp nô lệ tối tăm, cực nhục.

Mị từng là một cô gái hồn nhiên, yêu đời, tràn đầy sức sống, lại có tài thổi sáo. Vì vậy trong làng có nhiều chàng trai theo Mị, mỗi năm Tết đến bố mẹ Mị không thể ngủ được vì tiếng chó sủa khi *“trai đến đứng nhẵn cả chân vách đầu buồng Mị”*. Vậy mà sau bao tháng ngày sống như nô lệ, cô Mị giàu sức sống yêu đời năm xưa cuối cùng chỉ còn lại hình ảnh đầy sức tố cáo: *“một cô gái ngồi quay sợi bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa. Lúc nào cũng vậy, ... cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi”*. Tô Hoài đã mở đầu tác phẩm đầy ấn tượng. Khi mặt Mị cúi xuống, buồn rười rượi giữa một nơi sang trọng giàu có quyền lực như nhà thống lí, tác giả đã hé mở với ta: Mị không thuộc về nơi đây. Ấn tượng hơn khi đặt Mị bên tảng đá cạnh tàu ngựa, có chăng nhà văn muốn dự báo rằng sức sống của Mị giờ đang tro lị ra như đá và thân phận của cô không khác gì súc vật.

Lúc mới về nhà thống lí, Mị vô cùng đau khổ uất ức *“có đến hàng mấy tháng, đêm nào Mị cũng khóc”*. Ý thức được nỗi khổ nhục của mình nên Mị muốn tự tử. Nhưng vì thương cha, Mị đành chấp nhận sống trong nhà thống lí, đành *“bung mặt khóc”* và *“ném nắm lá ngón xuống đất”* như ném đi khát vọng giải thoát kiếp sống đọa đày của mình. Mấy năm sau khi bố chết, Mị cũng không nghĩ đến việc tự tử nữa bởi *“ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi”*. Cô bị buộc chặt vào công việc, làm lụng vất vả quanh năm suốt tháng không được nghỉ ngơi vì *“đàn bà con gái nhà này thì vùi vào việc làm cả đêm cả ngày”*. Từ khi bị bắt về làm con dâu gạt nợ, cuộc đời của Mị được tính bằng công việc của mỗi mùa, mỗi năm, mỗi tháng. Mị phải làm quần quật không ngơi nghỉ, nào là *“quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi”* đến *“công nước dưới khe suối lên”*. Tết xong thì *“lên núi hái thuốc phiện”*, giữa năm *“giặt đay, xe đay”*, còn đến mùa thì *“đi nương bẻ bắp”* rồi *“hái củi, bung ngô”* và *“lúc nào cũng gài một bó đay trong cánh tay để tước thành sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm suốt đời như thế”*.

Không những thế Mị còn bị tra tấn về mặt tinh thần. Cuộc đời Mị được xếp ngang hàng với trâu, với ngựa; thậm chí bị đối xử thua súc vật, không hề biết đến hạnh phúc gia đình. Mị bị A Sử hành hạ vô tội vạ: khi thì *“đạp chân vào mặt Mị”*, lúc lại *“đánh Mị ngã ngay xuống cửa bếp”*. Công việc đầu tắt mặt tối đã chôn vùi mọi cảm xúc, ý thức nơi con người Mị, biến Mị thành một cái bóng vật vờ, lạnh lẽ. Dần dần, Mị tê liệt hoàn toàn sức sống và sức phản kháng. Cô sống trong cô độc, âm thầm: *“Mỗi ngày Mị càng không nói, lúi lúi như con rùa nuôi trong xó cửa”*. Đau xót hơn, Mị không có ý niệm về thời gian, về thế giới xung quanh: *“Ở cái buồng Mị nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết là sương hay là nắng”*. Hình ảnh căn

buồng tối và kín ậy cũng chính là cuộc đời hiện tại của Mị. Không chỉ sống cam chịu, nhẫn nhục “*tương mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa*”, sau những hành hạ đọa đầy, cô đã mất hết niềm tin vào cuộc sống khi “*nghe rằng mình cứ chỉ ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra, đến bao giờ chết thì thôi*”, không còn chút hi vọng nào vào sự đổi đời: “*Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi*”.

Khi miêu tả Mị, nhà văn chủ yếu khắc họa tâm tư của nhân vật. Với ngôn ngữ đầy chất thơ, lời văn giàu chất tạo hình, đặc biệt là ngòi bút phân tích tâm lí nhân vật sắc sảo, tác giả đã thể hiện thành công cuộc đời nô lệ lay lắt đói khổ, nhục nhã của Mị. Có thể nói Mị là nhân vật tiêu biểu cho người phụ nữ lao động nghèo khổ miền núi dưới ách thống trị của giai cấp phong kiến. Họ có tâm hồn trong sáng, yêu đời, khao khát hạnh phúc nhưng đã bị chà đạp không thương tiếc. Dù vậy, ở tương lai, với sức sống tiềm tàng mãnh liệt, họ vùng dậy tự giải thoát và mở ra hướng giải thoát cho bản thân và bao người khác.

Cùng viết về người lao động nghèo, *Hai đứa trẻ của Thạch Lam* quan tâm nhiều đến đời sống tinh thần của những người dân phố huyện. Tác giả đã cất lên tiếng nói khẩn thiết mong cho những mảnh đời lam lũ, cơ cực kia thoát khỏi nhịp sống đơn điệu, tẻ nhạt mà vươn đến ngày mai tươi sáng hơn. Tiếng nói nhân đạo của Nam Cao trong *Chí Phèo* lại tập trung khơi sâu bi kịch tinh thần của người nông dân trong xã hội cũ. Kết cấu vòng tròn với hình ảnh cái lò gạch cũ như một sự bế tắc trong số phận của nhân vật điển hình Chí Phèo. Với Tô Hoài, thông qua số phận của những con người tiêu biểu như Mị, một nhân vật gây ấn tượng với sức sống tiềm tàng mãnh liệt, nhà văn đã tố cáo tội ác và bản chất xấu xa, tàn bạo của bọn thống trị vùng cao. Ông cũng bày tỏ sự xót xa với cuộc sống cơ cực, tủi nhục của người lao động nghèo Tây Bắc khi phát hiện và trân trọng những phẩm chất tốt đẹp, đồng cảm với khát vọng sống, khát khao hạnh phúc cũng như tin tưởng vào khả năng làm cách mạng, đấu tranh tự giải phóng, tự thức tỉnh của những người bị áp bức cũng như tình hữu ái giai cấp của họ. Hơn thế, nhà văn đã mở ra cho nhân vật một hướng đi, một lối thoát tìm đến tương lai tươi sáng. Tất cả những điều này đã làm nên **giá trị nhân đạo sâu sắc, mới mẻ** của truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*. Có thể khẳng định tác phẩm là một bước tiến của Tô Hoài trong việc **phản ánh hiện thực cách mạng** và thể hiện chủ nghĩa nhân đạo theo quan điểm cách mạng. Nhà văn chẳng những làm sống lại trước mắt người đọc cuộc đời đầy tủi cực của đồng bào miền núi ở giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám mà còn cho thấy khả năng to lớn của họ trong quá trình tự giải phóng và đến với cách mạng. **(Bình luận ngắn về giá trị nhân đạo của tác phẩm)**

Tô Hoài không phải là nhà văn duy nhất chú ý đến nội tâm khi khắc họa nhân vật. Nhân vật Liên trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam nổi bật cùng những dòng tâm trạng chảy trôi, những cảm xúc, cảm giác mong manh mơ hồ gắn với những biến đổi của cảnh vật. Với giọng văn nhẹ nhàng, thủ thỉ, thấm đượm chất thơ, chất trữ tình sâu lắng, Thạch Lam đã tô đậm ở Liên sự nhạy cảm tinh tế của một cô bé sớm trưởng thành. Nhân vật điển hình Chí Phèo trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao lại gây ấn tượng với diễn biến tâm trạng và những trạng thái tâm lý phức tạp. Nam Cao đã chứng minh khả năng bậc thầy trong việc khám phá, miêu tả, phân tích tâm lý sắc sảo bên cạnh việc tạo ra một cốt truyện hấp dẫn, giàu kịch tính với kết cấu vòng tròn gợi nhiều suy nghĩ. Như đã nói, khi miêu tả Mị, Tô Hoài chủ yếu khắc họa tâm tư của nhân vật gắn với những thời điểm quan trọng, đặc biệt là đêm tình mùa xuân và đêm đông giá lạnh. Hơn thế, với sự am tường về phong tục tập quán, phẩm chất, cuộc sống của những con người Tây Bắc, nhà văn đã xây dựng nhân vật đậm chất địa phương. Tính cách của những con người miền núi Tây Bắc gan góc, mạnh mẽ, đầy khát vọng được thể hiện rõ qua sức phản kháng dữ dội của nhân vật A Phủ cũng như sức sống tiềm tàng mãnh liệt của nhân vật Mị. Sức sống này nương theo tiếng sáo gọi bạn tha thiết và hơi rượu nồng nàn, rung rung theo “dòng nước mắt chảy xuống hai hõm má đã xám đen lại” của A Phủ, biểu hiện qua việc thắp đèn, vén tóc, lấy váy áo chuẩn bị đi chơi và hành động bước ngoặt - cắt dây trói cứu A Phủ và tự giải thoát cho cuộc đời mình. Điều này cũng đã góp phần làm nên giá trị nhân đạo nhân đạo sâu sắc, mới mẻ của tác phẩm, khẳng định bước tiến của Tô Hoài trong việc phản ánh hiện thực cách mạng và thể hiện chủ nghĩa nhân đạo theo quan điểm cách mạng. (Bình luận ngắn về nét đặc sắc trong việc xây dựng nhân vật của tác giả)

Nhà văn Nga C.T.Aitmatov từng nói: “Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, ở chữ cuối cùng (...). Nó thâm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động”. Với tất cả sự trân quý và đồng cảm chân thành, sâu sắc, chúng ta tin nhân vật Mị nói riêng và truyện ngắn Vợ chồng A Phủ nói chung sẽ có một đời sống bất tận, sẽ tuần hoàn mãi trong lòng người đọc nhiều thế hệ.